

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 33/2022/HS-ST
Ngày 19 - 5 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đường Ngọc Đại và ông Nguyễn Xuân Thịnh;

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120 /2021/TLST - HS ngày 12 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đỗ Anh T, sinh năm 1984, tại Vĩnh Phúc; giới tính: N; địa chỉ: Tổ 8, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đỗ Trọng T và con bà Trần Thị Đ; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt.

2. Họ và tên: Trần Thành L, sinh năm 1983; giới tính: N; địa chỉ: phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Kim Đ và con bà Nguyễn Thị V; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

-Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

Công tác tại: Trường Trung cấp kỹ thuật Quân Khí thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Đàm Văn H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Trần Thành L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 8, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Đỗ Thành L, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 3, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 8, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Đỗ Thanh B, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện M, Hà Nội;

- Anh Đặng Văn H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Anh Chu Văn L, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Lập Đ, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Trần Văn N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 5, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Vũ Đình Q, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Đinh Quang S, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Y, xã C, thành phố P, Vĩnh Phúc;

- Anh Nguyễn Sĩ Đ, sinh năm 1977

Địa chỉ: Lữ đoàn 113 Bộ Quốc Phòng, thuộc phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Trần Hồng Việt H, sinh năm 2004

Địa chỉ: Tổ 1, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Dương Xuân T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố Y1, đường L, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Thanh L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; hiện trú tại: Tổ 1, phường X, thành phố P, Vĩnh Phúc;

- Nguyễn Tiến D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số nhà 39, tổ 3, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ 4, phường X, thành phố P, Vĩnh Phúc;

- Ngô Xuân H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ 3, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Lâm Văn L, sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ 1, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Nguyễn Thị H, sinh năm 1991

Địa chỉ : Số nhà 699, tổ 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

Tất cả đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 Công an phường Đ tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983 có địa chỉ số nhà 617A đường T thuộc tổ 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện có 07 người tụ tập không rõ lý do, trong đó có Trần Thành L, sinh năm 1983; trú tại phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Công an phường Đ phát hiện trong điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu xanh đen của Trần Thành L có lưu giữ tin nhắn liên quan đến việc L mua số lô của Đỗ Anh T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 8, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Quá trình điều tra xác định như sau:

Vào hồi 17 giờ 30 ngày 08 tháng 6 năm 2021 Trần Thành L đang ở nhà, L sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu xanh đen, có cài đặt tài khoản Zalo “Trần Thành L” được đăng ký bằng số điện thoại 0966.353.439 để nhắn tin hỏi mua số lô đến tài khoản Zalo “T Đam 2” của Đỗ Anh T được đăng ký bằng số điện thoại 0914.685.667 và cài đặt trong điện thoại Iphone 8 Plus màu đỏ của T, với nội dung: “Lô 98 x 50đ”, tức là L mua của T 50 điểm lô. Đến 17 giờ 50 phút cùng ngày Đỗ Anh T đồng ý bán nên nhắn tin lại cho L qua tài khoản Zalo nêu trên với nội dung “Ok”, hai bên thống nhất cách chơi một điểm lô T bán với giá 22.500đ, trúng thưởng sẽ được dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc ngày hôm đó để tính, nếu trúng thì 1 điểm lô được hưởng 80.000đ. Tổng số tiền L đánh lô là 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Do trước đó T có vay của L số tiền 1.750.000đ, nên trừ đi số tiền bán số lô thì T vẫn còn nợ L số tiền 625.000đ. Sau khi bán số lô cho L xong thì T dùng số điện thoại 0914.685.667 nhắn tin văn bản đến số điện thoại 0398.618.985, được lưu trong danh bạ điện thoại là “A D nợ 222” với nội dung: “ Lô 98x50đ”, tức là T chuyển số lô đã bán cho L đến D. Đến 18 giờ 15 phút cùng ngày, khi có kết quả mở thưởng Xổ số kiến thiết Miền Bắc, L so sánh kết quả thì thấy số lô 98 trúng thưởng 2 lần tương đương với số tiền L thắng bạc của T là 8.000.000đ (Tám triệu đồng);

Đến ngày 09/6/2021, T sử dụng tài khoản số 0591005737007 mở tại Ngân hàng ABBank mang tên Đỗ Anh T, chuyển khoản đến số tài khoản số 19029705648025 mở tại Ngân hàng Techcombank của Trần Thanh L để trả tiền trúng thưởng số lô cho L với số tiền 7.000.000đ, còn lại số tiền 1.625.000đ Đỗ Anh T vẫn nợ L. Như vậy tổng số tiền bị cáo T và L phạm tội Đánh bạc là:

1.125.000đ + 8.000.000đ = 9.125.000đ (Chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

*Đối với anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982 trú tại tổ 8, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc là người được T khai nhận đã chuyển bảng số lô 98x50 điểm cho D bằng tin nhắn văn bản từ số điện thoại 0914.685.667 của T đến số điện thoại 0398.618.985. Quá trình xác minh tại Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel), xác định số điện thoại 0398.618.985 được đăng ký thông tin là anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1983 trú tại phường P, huyện B, thành phố Hà Nội. Qua điều tra anh T trình bày từ trước đến nay không đăng ký và sử dụng số điện thoại 0398.618.985 cũng không cho ai mượn giấy tờ tùy thân để đăng ký số điện thoại 0398.618.985. Bản thân anh Nguyễn Văn D trình bày từ trước đến nay, không mua bán số lô, số đề với Đỗ Anh T và cũng không sử dụng số điện thoại 0398.618.985. Cơ quan cảnh sát điều tra đã cho tiến hành đối chất giữa T và D. Lúc này Đỗ Anh T thừa nhận chưa bao giờ gọi điện trực tiếp hoặc gặp trực tiếp D để giao dịch mua bán lô đề, mà chỉ nhắn tin vào số 0398.618.985 ngày 08 tháng 6 năm 2021. Do vậy, không có căn cứ chứng minh anh Nguyễn Văn D có hành vi Đánh bạc bằng hình thức bán số lô như T đã khai. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không có căn cứ xử lý đối với anh D.

Quá trình điều làm làm rõ, ngoài hành vi Đánh bạc nêu trên thì Đỗ Anh T còn có hành vi: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể:

Năm 2019 T mở cửa hàng mua bán xe máy có tên là “Anh T”, địa điểm kinh doanh tại Ngõ 4, đường N, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc để hoạt động kinh doanh mua bán xe máy. Tại đây T còn kinh doanh dịch vụ cầm đồ, cho vay nặng lãi để thu lợi bất chính với cách thức như sau: Khi vay tiền người vay phải trả toàn bộ tiền lãi và gốc khi hết thời gian vay, thời gian vay chỉ khoảng 1 tháng có viết giấy vay tiền kiêm nhận nợ và để lại giấy tờ đảm bảo. Sau 1 tháng người vay sẽ phải trả số tiền gốc đã vay và số tiền lãi, nếu không trả được gốc thì người vay sẽ phải tiếp tục trả trước tiền lãi trong thời hạn cho đến khi nào trả được hết tiền gốc, tiền lãi có thể đưa trực tiếp cho T hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của T. Cụ thể T cho vay lãi nặng đối với những người như sau:

1. Nguyễn Văn N, sinh năm 1993, địa chỉ: Thị Trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

-Ngày 18 tháng 11 năm 2019, Đỗ Anh T cho anh N vay số tiền 10.000.000đ, với mức lãi xuất là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày, khi vay có viết Giấy vay tiền nhưng không để lại giấy tờ, tài sản gì.

Ngày 18 tháng 12 năm 2019, N trả lãi 30 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 1.200.000đ; Lãi xuất so với lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là $(4.000đ \times 365 \times 100\%) / 1.000.000đ = 146\% / \text{năm}$; Số tiền lãi thu

tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $(10.000.000đ \times 20\%) / 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 164.383đ$. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $1.200.000đ - 164.383đ = 1.035.616đ$.

-Ngày 22 tháng 6 năm 2020, Đỗ Anh T cho anh N vay số tiền 15.000.000đ, với mức lãi xuất là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày, khi vay có viết Giấy vay tiền và để lại 01 giấy chứng nhận Đăng ký xe mô tô 29Y3 - 25382.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, N trả lãi 30 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 1.800.000đ; Lãi suất so với lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là $(4.000đ \times 365 \times 100\%) / 1.000.000đ = 146\%$ / năm. Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $(15.000.000đ \times 20\%) / 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 246.575đ$. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $1.800.000đ - 246.575đ = 1.553.425đ$

-Ngày 04 tháng 10 năm 2020, T cho N vay số tiền 10.000.000đ, với mức lãi xuất là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày (tương đương 146%/năm), khi vay có viết Giấy vay tiền;

Ngày 04 tháng 11 năm 2020 N trả lãi 30 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 1.200.000đ; Lãi suất so với lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $(4.000đ \times 365 \times 100\%) / 1.000.000đ = 146\%$; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $(10.000.000đ \times 20\%) / 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 164.383đ$. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $1.200.000đ - 164.383,562đ = 1.035.617đ$

N đã trả gốc cho T tổng số tiền: 35.000.000đ, chưa lấy đăng ký xe về. Số tiền T thu lợi bất chính đối với N: 3.624.658đ.

Vẫn cách thức tính như trên, T còn cho những người sau vay lãi nặng, cụ thể:

2. Đàm Văn H, sinh năm 1983, trú tại tổ 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, Đỗ Anh T cho H vay số tiền 15.000.000đ với mức lãi xuất là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 146%/năm). Khi vay có viết Giấy vay tiền và để lại 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Đàm Văn H. Ngày 22 tháng 5 năm 2021 H trả lãi 150 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 9.000.000đ. Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.232.887đ. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $9.000.000đ - 1.232.887đ = 7.767.113đ$.

H chưa trả T tiền gốc 15.000.000đ, chưa lấy 01 chứng minh thư nhân dân. Số tiền T thu lợi bất chính đối với H là 7.767.113đ.

3. Đỗ Thành L, sinh năm 1994, trú tại tổ 3, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, Đỗ Anh T cho Đỗ Thành L vay số tiền 5.000.000đ với mức lãi xuất là 3.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương

109,5%/năm). Khi vay có viết Giấy vay tiền, nhưng không để lại giấy tờ và tài sản gì.

Ngày 31 tháng 01 năm 2021 L trả lãi 35 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 500.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $(5.000.000đ \times 20\%) / 365 \text{ ngày} \times 35 \text{ ngày} = 95.890đ$. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $500.000đ - 95.890đ = 404.110đ$.

Đỗ Thành L đã trả tiền gốc 5.000.000đ. Số tiền T thu lợi bất chính đối với L 404.110đồng.

4. Trần Thành L, sinh năm 1983, trú tại: Tổ 8, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 11 tháng 10 năm 2020, Đỗ Anh T cho Trần Thành L vay số tiền 10.000.000đ với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm), khi vay có viết Giấy vay tiền và để lại 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thành L.

Tính đến ngày 21 tháng năm 2021, L trả lãi 190 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 9.100.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.041.095đ. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $9.100.000 - 1.041.095,89đ = 8.058.905đ$.

L đã trả tiền gốc 10.000.000đ và lấy giấy tờ về. Số tiền T thu lợi bất chính đối với L là 8.058.905đ;

Ngoài ra, ngày 14 tháng 5 năm 2021, Đỗ Anh T cho Trần Thành L vay số tiền 15.000.000đ với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm), khi vay có viết Giấy vay tiền và để lại 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thành L. Hiện L chưa trả cho T số tiền gốc và lãi của số tiền vay này và chưa lấy chứng minh thư nhân dân.

5. Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1993; trú tại: Tổ 8, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 10 tháng 02 năm 2021, Đỗ Anh T cho Nguyễn Mạnh D vay số tiền 5.000.000đ với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm), khi vay có viết Giấy vay tiền và để lại 01 giấy chứng nhận Đăng ký xe mô tô BKS: 88H1 – 02751 mang tên Nguyễn Thị Thu P.

Tính đến ngày 17 tháng 4 năm 2021, D trả lãi cho T 60 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 1.500.000đ. Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 180.821đ; số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $1.500.000đ - 180.821đ = 1.319.179đ$.

Ngày 17 tháng 4 năm 2021 D vay thêm số tiền 5.000.000đ, không viết giấy vay tiền mới, để lại 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Mạnh D và 01 giấy chứng nhận Đăng ký xe mô tô BKS: 29S6 – 34059 mang tên Nguyễn Ngọc B với tổng số tiền vay là 10.000.000đ, với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm).

Tính đến ngày 11 tháng 6 năm 2021 D trả lãi 55 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 301.369đ. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $3.000.000đ - 301.369đ = 2.698.631đ$.

D đã trả tiền gốc 5.000.000đ và lấy 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Mạnh D và 01 giấy chứng nhận Đăng ký xe mô tô BKS: 88H1 – 02751.

Hiện D còn nợ T tiền gốc 5.000.000đ và chưa lấy 01 giấy chứng nhận Đăng ký xe mô tô BKS: 29S6 - 34059. Tổng số tiền T thu lợi bất chính đối với D là: $1.319.719 + 2.698.631 = 4.018.350đ$.

6. Đỗ Thanh B, sinh năm 1986; trú tại: Thôn B, xã K, huyện M, thành phố Hà Nội.

- Ngày 06 tháng 11 năm 2019, Đỗ Anh T cho Đỗ Thanh B vay số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) với mức lãi xuất là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 109,5%/năm). Khi vay có viết Giấy vay tiền và để lại 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thanh B.

Tính đến ngày 06 tháng 12 năm 2019 B đã trả lãi 30 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 360.000đồng; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 49.315đồng. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $360.000đ - 49.315đ = 310.685đ$. B đã trả tiền gốc 3.000.000đ và lấy giấy chứng minh nhân dân

- Ngày 23 tháng 3 năm 2021, Đỗ Anh T cho Đỗ Thanh B vay số tiền 5.000.000đ với mức lãi xuất là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 146%/năm). Khi vay có viết Giấy vay tiền và để lại 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thanh B.

Tính đến ngày 23 tháng 4 năm 2021 B trả lãi 30 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 600.000đồng; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 82.192đồng. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $600.000đ - 82.192đ = 517.808đ$. B đã trả tiền gốc 3.000.000đ và lấy giấy chứng minh nhân dân.

Như vậy, B đã trả gốc cho T 8.000.000đ. Số tiền T thu lợi bất chính đối với B: $310.685 + 517.808 = 828.493đ$ ồng;

7. Đặng Văn H, sinh năm 1995, trú tại: Tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ngày 16 tháng 01 năm 2021, Đỗ Anh T cho Đặng Văn H vay số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm). Khi vay có viết Giấy vay tiền và để lại 01 giấy Căn cước công dân mang tên Đặng Văn H. Tính đến ngày 16 tháng 5 năm 2021 H trả lãi 120 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 1.200.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 131.508đồng. Số tiền lãi

thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.200.000đ - 131.508đ= 1.068.492đồng.

H chưa trả T tiền gốc 2.000.000đ và chưa lấy thẻ căn cước công dân. Số tiền T thu lợi bất chính đối với H 1.068.492đ.

8. Chu Văn L, sinh năm 1995, trú tại: Thôn L, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc

- Ngày 27 tháng 6 năm 2020, Đỗ Anh T cho anh Chu Văn L vay số tiền 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng), với mức lãi xuất là 3.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 109,5%/năm). Khi vay có viết Giấy vay tiền và để lại 01 giấy Căn cước công dân mang tên Chu Văn L.

Tính đến ngày 27 tháng 2 năm 2021 L trả lãi 240 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 5.040.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 920.556đ. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 5.040.000đ - 920.556đ= 4.119.444đ.

L đã trả tiền gốc 7.000.000đ, đã lấy giấy tờ về. Số tiền T thu lợi bất chính đối với L: 4.119.444đ.

9. Trần Văn N, sinh năm 1993, trú tại: Tổ 5, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Vào khoảng tháng 01/2021, Đỗ Anh T cho Trần Văn N vay số tiền 10.000.000đ, với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm), khi vay không viết giấy tờ vay, không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố.

- Đến ngày 12 tháng 01 năm 2021, Đỗ Anh T cho Trần Văn N vay số tiền 5.000.000đ, với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm), khi vay không viết giấy tờ vay, có để lại Chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Văn N, sau đó N lại mượn lại T Chứng minh thư nhân dân.

Tính đến ngày 10 tháng 5 năm 2021, N trả lãi 120 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 8.480.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 986.301đ. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 8.480.000đ- 986.301đ= 7.493.699đ.

N chưa trả tiền gốc cho T 15.000.000đ, phải truy thu tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Số tiền T thu lợi bất chính đối với N: 7.493.699đ

-Ngoài ra, ngày 17 tháng 01 năm 2021, Đỗ Anh T cho Trần Văn N vay số tiền 10.000.000đ, do N nói với T số tiền này N sẽ trả luôn nên T không tính lãi xuất, khi vay không viết giấy tờ vay, không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố.

Do N không trả được tiền gốc nên đến ngày 10/6/2021, N viết 01 giấy vay tiền của 02 lần vay trên thành tổng số tiền vay là: 25.000.000đ với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm). Đối với số tiền vay 10.000.000đ ngày 17/01/2021 N chưa trả được tiền gốc và lãi tháng nào.

10. Vũ Đình Q, sinh năm 1987, trú tại: Tổ 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 20 tháng 4 năm 2019 Đỗ Anh T cho Vũ Đình Q vay số tiền 5.000.000đ với mức lãi xuất là 3.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 109,5%/năm). Khi vay có viết Giấy vay tiền và để lại 01 giấy chứng nhận Đăng ký xe mô tô BKS: 88H7 - 0777.

Tính đến ngày 20 tháng 3 năm 2021 Q trả lãi 690 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 10.350.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.890.410đ. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10.350.000đ- 1.890.410đ= 8.459.590đ.

Q đã trả tiền gốc 5.000.000đ, chưa lấy giấy đăng ký xe. Số tiền T thu lời bất chính đối với Q là 8.459.590đ.

11. Ngô Xuân H, sinh năm 1974, trú tại: Tổ 3, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ngày 22 tháng 7 năm 2020, Đỗ Anh T cho Ngô Xuân H vay số tiền 5.000.000đ với mức lãi xuất là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 146%/năm), có viết giấy vay tiền và để lại Chứng minh thư nhân dân mang tên Ngô Xuân H. Tính đến ngày 22 tháng 9 năm 2020 H trả lãi 120 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 1.200.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 164.383đ. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.200.000đ - 164.383đ= 1.035.617đ. H đã trả tiền gốc 5.000.000đ và lấy giấy tờ. Số tiền T thu lời bất chính đối với H là 1.035.617đ

-Ngày 22 tháng 9 năm 2020, sau khi trả tiền xong, H tiếp tục vay của T số tiền 1.000.000đ với mức lãi xuất là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 146%/năm) có viết giấy vay tiền và để lại chứng minh nhân dân mang tên H. Tính đến ngày 22 tháng 10 năm 2020 H trả lãi 30 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 120.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 16.438đ. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 120.000đ- 16.438đ= 103.562đ. H đã trả tiền gốc 1.000.000đ và lấy giấy tờ. Số tiền T thu lời bất chính đối với H là 103.562đ

-Ngày 13 tháng 3 năm 2021, T tiếp tục cho H vay số tiền 5.000.000đ với mức lãi xuất là 3.500đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 127,5%/năm), có viết giấy vay tiền và để lại chứng minh nhân dân mang tên H. Tính đến ngày 13 tháng 5 năm 2021 H trả lãi 60 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 1.050.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 164.383đ. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.050.000đ - 164.383đ= 885.617đ. H chưa trả tiền gốc 5.000.000đ và chưa lấy chứng minh thư nhân dân về. Số tiền T thu lợi bất chính đối với H là 885.617đ

Như vậy, H đã trả tiền gốc cho T là 6.000.000đ; chưa trả tiền gốc 5.000.000đ. Tổng số tiền T thu lợi bất chính 03 lần đối với H là: $1.035.617+103.562+885.617=2.024.796đ$

12. Đinh Quang S, sinh năm 1992, trú tại: Thôn Y, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ngày 01/8/2019, Đỗ Anh T cho Đinh Quang S vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm). Khi vay có viết giấy vay tiền và để 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88H1- 09004. Đến cuối tháng 8/2019, S trả cho T tiền lãi của 18 ngày với số tiền là 450.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 49.315đ; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $450.000đ - 49.315đ = 400.685đ$.

S đã trả tiền gốc 5.000.000đ và lấy đăng ký xe mô tô về. Số tiền T thu lợi bất chính đối với S là 400.685đ

- Vào khoảng tháng 06/2020, Đỗ Anh T cho Đinh Quang S vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm). Đến tháng 07/2020, S đã trả cho T tiền lãi 30 ngày với số tiền là 750.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 82.192đ; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $750.000đ - 82.192đ = 667.808đ$. S đã trả tiền gốc 5.000.000đ. Số tiền T thu lợi bất chính đối với S là 667.808đ

- Ngày 21 tháng 01 năm 2021, T tiếp tục cho S vay số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm). Đến ngày 10 tháng 3 năm 2021, S đã trả cho T số tiền lãi của 18 ngày là 270.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 29.589đ; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là $270.000đ - 29.589đ = 240.411đ$. S đã trả tiền gốc 3.000.000đ. Số tiền T thu lợi bất chính đối với S là 240.411đ

- Ngày 14/4/2021, T tiếp tục cho S vay số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm), có viết giấy vay tiền và S để lại Căn cước công dân mang tên S. Đến ngày 10/5/2021, S đã trả cho T số tiền lãi của 27 ngày là 400.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 44.383đ; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $400.000đ - 44.383đ = 355.617đ$. S đã trả tiền gốc 3.000.000đ, chưa lấy Căn cước công dân về. Số tiền T thu lợi bất chính đối với S là 355.617đ

Như vậy, tổng số tiền gốc S đã trả: 16.000.000đ. T phải trả lại cho S số tiền thu lợi bất chính là: $400.685 + 667.808 + 240.411 + 355.617 = 1.664.521đ$.

13. Nguyễn Sĩ Đ, sinh năm 1977 hiện đang công tác tại Lữ đoàn 113 - Bộ Quốc Phòng thuộc phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ngày 21/5/2020, Đỗ Anh T cho Nguyễn Sĩ Đ vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm), khi vay có viết giấy vay tiền và để 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo ngắn hạn vận tải ô tô. Anh Đ đã trả cho T số tiền lãi của 360 ngày với số tiền là 18.000.000đ; số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.972.620đ; số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $18.000.000đ - 1.972.620đ = 16.027.380đ$;

Sau khi vụ án được chuyển sang Tòa án, anh Đ đã trả cho T số tiền là 10.000.000đ tiền gốc. T phải trả lại 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo ngắn hạn vận tải ô tô cho anh Đ và số tiền thu lợi bất chính đối với Đ là 16.027.380đ.

14. Lâm Văn L, sinh năm 1997; trú tại: Tổ 1, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ngày 05/9/2020, Đỗ Anh T cho Lâm Văn L vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với mức lãi xuất là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 146%/năm), khi vay có viết giấy vay tiền và để 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lâm Văn L. Đến tháng 04/2021, L đã trả cho T tiền lãi của 210 ngày là 4.200.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 575.347đ; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $4.200.000đ - 575.347đ = 3.624.653đ$. Anh L đã trả tiền gốc 5.000.000đ và lấy giấy tờ về. T phải trả lại L số tiền thu lợi bất chính là 3.624.653đ.

15. Trần Hồng Viết H, sinh năm 2004, trú tại: Tổ 1, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ngày 05/4/2021, Đỗ Anh T cho Trần Hồng Viết H vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm), khi vay có viết giấy vay tiền và để 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Hồng Viết H. H đã trả cho T tiền lãi của 60 ngày với số tiền là 1.500.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 164.385đ; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $1.500.000đ - 164.385đ = 1.335.615đ$

Anh H đã trả tiền gốc 5.000.000đ và lấy giấy tờ về. T phải trả cho H số tiền thu lợi bất chính là 1.335.615đ.

16. Anh Dương Xuân T, sinh năm 1979, trú tại: Phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Vào khoảng tháng 3/2021, Đỗ Anh T cho anh T vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), số tiền vay này T không quy định lãi xuất và không viết giấy vay tiền. Được 2 tuần sau, T trả cho T 10 triệu đồng tiền gốc và 500.000đ tiền lãi (Tương đương 120,45%); Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 82.191đ; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $500.000đ - 82.191đ = 417.809đ$.

-Ngày 21/4/2021, Đỗ Anh T cho Dương Xuân T vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với mức lãi xuất là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 146%/năm), khi vay có viết giấy vay tiền và để 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Dương Xuân T. T đã trả cho T tiền lãi của 30 ngày với số tiền là 2.400.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 328.770đ; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 2.400.000đ - 328.770đ = 2.071.230đ. Anh T chưa trả tiền gốc cho T 20.000.000đ, anh T đã lấy Chứng minh thư nhân dân về. Số tiền T thu lời bất chính đối với T là 2.071.230đ

Như vậy, T đã trả gốc 10.000.000đ, chưa trả gốc 20.000.000đ. Tổng số tiền T thu lời bất chính của Thành là 417.809 +2.071.230= 2.489.039đ.

17. Trần Ngọc T, sinh năm 1979, địa chỉ: Xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, hiện ở tại: Tổ 1, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Vào khoảng tháng 2/2021, Đỗ Anh T cho T vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với mức lãi xuất là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 146%/năm), khi vay có viết giấy vay tiền và để 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Ngọc T và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88H1 - 20677. T đã trả cho T tiền lãi của 60 ngày với số tiền là 1.590.000đ; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 164.385đ; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.590.000đ-164.385đ = 1.425.615đ. T chưa trả tiền gốc 5.000.000đ, chưa lấy giấy tờ về. Số tiền T thu lợi bất chính đối với T là 1.425.615đ

- Ngày 04/4/2021, anh T tiếp tục vay T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) vẫn với mức lãi xuất là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 146%/năm), T đã viết 01 giấy vay tiền với tổng số tiền 2 lần vay là 10.000.000đ. Lần vay 5000.000đồng này, anh T chưa trả lãi cho T. T vẫn chưa trả tiền gốc tổng 10.000.000đ cho T;

18. Nguyễn Tiến D, sinh năm 1987, trú tại: Tổ 3, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ngày 21/5/2021, Đỗ Anh T cho Nguyễn Tiến D vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm), khi vay có viết giấy vay tiền và để 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tiến D. D đã trả lãi của 15 ngày với số tiền 750.000đ. Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 82.192đ; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 750.000đ - 82.192đ =667.808đ. Anh D chưa trả tiền gốc 10.000.000đ cho T và chưa lấy Chứng minh thư nhân dân. T phải trả lại cho anh D số tiền T thu lợi bất chính là 667.808đ.

19. Lê Tuấn A, sinh năm 1996, trú tại: Tổ 4, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ngày 29/4/2021, Đỗ Anh T cho Lê Tuấn A vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm), không viết giấy vay tiền, không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố. Đến ngày 29/5/2021, Tuấn A đã trả 750.000đ của 30 ngày tiền lãi; Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 82.192đ; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 750.000đ - 82.192đ = 667.808đ. Tuấn A đã trả tiền gốc 5.000.000đ. Số tiền T thu lợi bất chính đối với Tuấn A là 667.808đ.

- Ngày 30/5/2021, Đỗ Anh T cho Lê Tuấn A vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với mức lãi xuất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm), không viết giấy vay tiền, không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố. Tuấn A chưa trả được tiền gốc 5000.000đồng và tiền lãi của lần vay này.

Như vậy, tổng số tiền gốc bị cáo Đỗ Anh T đã cho 19 người vay nặng lãi là: 209.000.000đồng (Hai trăm linh chín triệu), trong đó số tiền gốc người vay đã trả: 132.000.000đồng (Một trăm ba mươi hai triệu); số tiền gốc người vay chưa trả: 77.000.000đồng (Bảy mươi bảy triệu). Tổng số tiền lãi người vay đã trả cho T là: 87.260.539đồng; trong đó số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 11.490.450đồng; số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 75.770.089đồng.

Ngoài ra Đỗ Anh T còn cho các đối tượng sau vay tiền có viết giấy vay tiền, thỏa lãi suất thấp hơn 05 lần mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự hoặc có viết giấy vay tiền NH người vay chưa trả khoản lãi hoặc không tính lãi suất, nên chưa thỏa mãn yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, không xác định đây là hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự gồm:

1. Trần Quang Khải, sinh năm 2002, trú tại: Tổ 2, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vào khoảng đầu tháng 3/2021, Đỗ Anh T cho Khải vay số tiền 6.500.000đ, khi vay không viết giấy tờ vay, không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố, T không quy định lãi xuất đối với số tiền vay này. Đến ngày 06/5/2021, Khải trả T tiền gốc số tiền 6.500.000đ và 500.000đ tiền lãi (tương đương 47,75%/ năm).

2. Phạm Thị Thái, sinh năm 1993, trú tại: Xã An Dục, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái B.

Ngày 12/4/2021, T cho chị Thái vay số tiền 20.000.000đ, khi vay có viết giấy tờ vay, chị Thái cầm cố 01 thẻ bảo hiểm y tế và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Thái, khi vay T không quy định lãi xuất đối với số tiền vay này. Đến ngày 14/5/2021, chị Thái trả T 20.000.000đ và tự trả thêm 500.000đ (tương đương 30,295%) để cảm ơn T và đã lấy giấy tờ về.

3. Đặng Thị H, sinh năm 1979, trú tại: Tổ 2, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 18/1/2021, chị H có vay của T số tiền 10.000.000đ

Ngày 21/1/2021, chị H có vay của T số tiền 5.000.000đ

Ngày 25/1/2021, chị H có vay của T số tiền 8.000.000đ

Cả 3 lần vay tiền này T đều không tính lãi xuất, chị H không viết giấy tờ vay và không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố. Chị H đã trả hết số tiền vay 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu) cho T.

4. Nguyễn Bảo Trung, sinh năm 1992, trú tại: Tổ 2, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ ngày 20/01/2021 đến ngày 21/5/2021, T có cho anh Trung vay tiền nhiều lần là 5000.000đồng, 3000.000đồng, 300.000đồng, 20.000.000đồng. Các lần vay tiền này do là hàng xóm với nhau vay nóng, nên T đều không tính lãi xuất, anh Trung không viết giấy tờ vay và không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố. Anh Trung đã trả hết số tiền vay cho T.

5. Nguyễn Hữu Dụng, sinh năm 1985, trú tại: Tổ 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ cuối tháng 01/2021 đến ngày 27/5/2021, T có cho anh Dụng vay tiền 05 lần cụ thể: 10.000.000đ; 20.000.000đ; 10.000.000đ; 5.000.000đ và 60.000.000đ. Các lần vay tiền này T đều không tính lãi xuất, anh Dụng không viết giấy tờ vay và không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố. Anh Dụng đã trả hết số tiền vay cho T.

6. Nguyễn Đình Thành, sinh năm 1992, trú tại: Tổ 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ cuối ngày 02/01/2021 đến ngày 07/6/2021, T có cho anh T vay nóng tiền 02 lần, mỗi lần là 20.000.000đồng. Các lần vay tiền này T đều không tính lãi xuất, anh T không viết giấy tờ vay và không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố. Anh T đã trả hết số tiền vay 40.000.000đồng cho T.

7. Nguyễn Viết Hùng, sinh năm 1976, trú tại: Thôn An Đồng, xã Ngọc Thanh, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 26/01/2021, T cho anh Hùng vay số tiền 10.000.000đ, anh Hùng viết giấy vay tiền và để lại 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Viết Hùng. Số tiền vay này T không tính lãi xuất, Đến khoảng đầu tháng 3/2021, anh Hùng đã trả T số tiền vay 10.000.000đ và lấy giấy tờ về;

8. Nguyễn Anh T, sinh năm 1992, trú tại: Tổ 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ngày 05/12/2020, Đỗ Anh T cho anh T vay số tiền 10.000.000đ với lãi xuất 2.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 73%/ năm) khi vay Nguyễn Anh T có viết giấy vay tiền và để lại 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Anh T. Nguyễn Anh T trả lãi được 01 tháng với số tiền 600.000đ.

- Ngày 18/02/2021, Đỗ Anh T cho Nguyễn Anh T vay số tiền 10.000.000đ, tổng cộng Nguyễn Anh T vay 20.000.000đ với lãi xuất 2.000đ/1 triệu/1 ngày (

tương đương 73%/ năm). Nguyễn Anh T đã trả lãi với tổng số tiền 8.400.000đ. Nguyễn Anh T chưa trả tiền gốc cho Đỗ Anh T.

9. Dương Văn Hùng, sinh năm 1965, trú tại: Tổ 4, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 25/01/2021, anh Hùng có vay của T số tiền 20.000.000đ

Ngày 26/4/2021, anh Hùng có vay của T số tiền 20.000.000đ

Ngày 25/5/2021, anh Hùng có vay của T số tiền 30.000.000đ

Cả 3 lần vay tiền này T đều không tính lãi xuất, anh Hùng đều không viết giấy tờ vay và không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố. Anh Hùng đã trả hết số tiền vay cho T.

10. Đặng Văn Thanh, sinh năm 1991; trú tại: Thôn Đồng Đâm, xã Ngọc Thanh, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 09/3/2021, anh Thanh có vay T số tiền 10.000.000đ,

Ngày 03/4/2021, anh Thanh có vay T số tiền 10.000.000đ,

Ngày 13/4/2021, anh Thanh có vay T số tiền 10.000.000đ,

Cả 3 lần vay tiền này T đều không tính lãi xuất, anh Thanh đều không viết giấy tờ vay và không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố. Đến nay anh Thanh mới trả cho T được 5.500.000đ và vẫn nợ số tiền 24.500.000đ.

11. H Văn L, sinh năm 1983, trú tại: Thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Từ ngày 06/01/2021 đến ngày 28/5/2021 anh L có sử dụng tài khoản 19022648154016 giao dịch với 02 tài khoản của T là 101867729500 và 0591005737007 để vay tiền T nhiều lần, các lần vay tiền này T đều không tính lãi xuất, anh L đều không viết giấy tờ vay và không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố. Hiện anh L đã trả cho T số tiền vay này;

12. Nguyễn Minh T, sinh năm 1983, trú tại: Tổ 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 31/3/2020, anh Nguyễn Minh T có vay của Đỗ Anh T số tiền 80.000.000đ, khi vay anh Nguyễn Minh T viết 01 tờ giấy vay tiền viết tay. Số tiền vay này Đỗ Anh T không tính lãi xuất cho vay, anh Nguyễn Minh T không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố. Sau đó anh Nguyễn Anh T đã trả hết số tiền vay cho Đỗ Anh T.

13. Nguyễn Quyết Tiến, sinh năm 1985; trú tại :Tổ 1, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vào khoảng đầu tháng 5/2021, anh Tiến có vay của Đỗ Anh T số tiền 3.750.000đ, số tiền vay này Đỗ Anh T không tính lãi xuất cho vay, anh Tiến không viết giấy vay và không để lại tài sản hay giấy tờ cầm cố. Đến ngày 06/5/2021, anh Tiến đã trả số tiền vay 3.750.000đ cho T.

14. Lê Duy Linh, sinh năm 1991; trú tại: Xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29/4/2021, T cho anh Linh vay số tiền 20.000.000đ, khi vay có viết giấy tờ vay, anh Linh cầm cố 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Duy Linh, khi vay T không tính lãi xuất đối với số tiền vay này. Khoảng 15 ngày sau đó, anh Linh trả T 20.000.000đ và lấy giấy tờ về.

15. Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; trú tại: Số nhà 699, tổ 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

Ngày 08/10/2019, Đỗ Anh T cho Nguyễn Thị H vay số tiền 10.000.000đ và ngày 10/11/2019 T lại cho chị H vay số tiền 10.000.000đồng lại với lãi xuất 1500đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 55%/ năm) khi vay H có viết giấy vay tiền và để lại 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị H. Ngày 10/11/2019 Đỗ Anh T lại tiếp tục cho chị H vay số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) lãi suất 1.500/1 triệu/1 tháng. Hiện Nguyễn Thị H chưa trả tiền gốc 30.000.000đồng cho Đỗ Anh T, T chưa trả lại giấy chứng minh nhân dân cho H. Hiện tại chị H đã trả cho lãi cho T là 23 tháng với số tiền là 10.700.000đ.

*Đồ vật, tài liệu thu giữ khi kiểm tra, xử lý vật chứng:

- Tạm giữ của bị cáo Trần Thành L số tiền 7.973.000đ. Trong đó số tiền 7.000.000đ là tiền do T trả tiền trúng lô, đề nghị tịch thu sung công nhà nước. Số tiền còn lại là 973.000đ không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại bị cáo L nH cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của Đỗ Anh T tổng số tiền 13.400.000đ, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo; nH tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Truy thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo T số tiền bị cáo đánh bạc cùng với bị cáo L là 2.125.000đồng;

- Đối với số tiền gốc mà T cho vay nặng lãi, 08 những người vay chưa trả cho bị cáo Đỗ Anh T, tổng số tiền 77.000.000đồng cần phải truy thu để sung công quỹ Nhà nước

- Đối với số tiền gốc 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng), những người vay đã trả cho bị cáo và số tiền lãi thu tới đa được hưởng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 11.490.450đồng, cần phải truy thu của bị cáo Đỗ Anh T để sung quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền 75.770.089đồng thu lợi bất chính vượt quá quy định mà bị cáo T đã nhận được của 19 người vay, nay phải trả lại cho họ.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động OPPO F9, có vỏ màu xanh đen, bên trong có lắp sim số 0966.353.439 và sim số 0916.315.836 thu giữ của Trần Thành L và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus, có vỏ màu đỏ bên trong có lắp sim số 0914.685.667 thu giữ của Đỗ Anh T. Quá trình điều tra, xác định L và T có sử dụng vào mục đích nhắn tin mua bán số lô đánh bạc. Do vậy, đề nghị tịch thu bán sung công Nhà nước.

Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 19H8008637 mang tên Đỗ Anh T và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88H1 -

23741, mang tên Nguyễn Ngọc Quân. Quá trình điều tra, xác định anh Nguyễn Ngọc Quân đã bán lại chiếc xe mô tô 88H1 – 23741 kèm theo giấy tờ cho Đỗ Anh T. Nay cần trả cho Đỗ Anh T nH tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tạm giữ của bị cáo T 36 tờ Giấy vay tiền (Mua bán), (Cầm đồ), 01 tờ Giấy bán xe và 01 tờ Giấy thuê xe. Quá trình điều tra, xác định là giấy tờ giao dịch cho vay nặng lãi giữa Đỗ Anh T và những người vay tiền được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88H7 – 0777; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88H1 – 20677, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 29S6 - 34059, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Biển kiểm soát 29Y3 – 25382, 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp, mang tên Nguyễn Sĩ Đá, 06 Giấy chứng minh nhân dân lần lượt mang tên Trần Thành L, Ngô Xuân H, Nguyễn Thị H, Đàm Văn H, Nguyễn Tiến D, Trần Ngọc T và 02 Căn cước công dân mang tên Đặng Văn H và Đinh Quang S . Tất cả được chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự chờ xử lý.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Đỗ Anh T và Trần Thành L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 90A /CT-VKSPY ngày 10 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố các bị cáo Đỗ Anh T phạm tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” và tội: “Đánh bạc”; bị cáo Trần Thành L phạm tội: “Đánh bạc”.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với các bị cáo. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201 điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Anh T từ 100.000.000đồng đến 110.000.000đồng về tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Anh T từ 11 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách gấp đôi về tội: “Đánh bạc”;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thành L từ 09 tháng đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách gấp đôi về tội: “Đánh bạc”;

Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự; Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Anh T và Trần Thành L từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước về tội: “Đánh bạc”;

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với hành vi đánh bạc của các bị cáo đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đối với hành vi đánh bạc đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản làm việc, Kết luận giám định, Biên bản niêm phong, biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu; Biên bản khám xét, Biên bản kiểm tra điện thoại di động, Biên bản kết quả xổ số kiến thiết miền bắc ngày 08/6/2021 cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 08 tháng 6 năm 2021 Đỗ Anh T đã có hành vi đánh bạc ăn tiền với Trần Thành L bằng hình thức mua, bán số lô với tổng số tiền phạm tội là: 9.125.000đồng (Chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 06 năm 2021 Đỗ Anh T còn có hành vi cho 19 người khác vay tiền, lãi suất thấp nhất là 109,5%, cao nhất là 182,5%. Với tổng số tiền cho vay là 209.000.000đồng; tổng tiền lãi là 87.260.539đồng; trong đó lãi hợp pháp là 11.490.450đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 75.770.089đồng;

Hành vi sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức “đánh số lô, số đề ăn tiền” của bị cáo T và bị cáo L đã phạm vào tội: “Đánh bạc”, được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt phạt tiền từ 20.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Đối với bị cáo T ngoài hành vi đánh bạc bị xét xử, bị cáo còn cho 19 người vay với lãi suất từ 109,5% đến 182,5% diễn ra liên tục trong một thời gian. Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Lãi

suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Đỗ Anh T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính từ 30.000.000đ đến dưới 100.000.000đ ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 200.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

Ngoài ra bị cáo Đỗ Anh T còn cho 15 người khác vay tiền, có người không có lãi suất, có người vay với mức lãi suất thấp hơn 05 lần mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nên chưa cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

[4] Xét nhân thân, tính chất, mức độ, vai trò của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T có bố tham gia kháng chiến được tặng Huy chương kháng chiến sỹ vẻ vang; còn bị cáo L có thời gian tham gia bộ đội được tặng chiến sỹ giỏi và gia đình bị cáo 03 liên tục tặng danh hiệu gia đình văn hóa. Nên 02 bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Thành L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Đỗ Anh T còn có hành vi tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội. Nên bị cáo L được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, bị cáo T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ điểm t Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hai bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào

Xét vai trò, vị trí và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Trong vụ án “Đánh bạc”, bị cáo Đỗ Anh T giữ vai trò là người ghi bán số lô; bị cáo Trần Thành L là người tham gia đánh bạc mua số lô với bị cáo T. Nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T cao hơn với bị cáo L là phù hợp.

Xét thấy, hai bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nên Hội đồng xét xử thấy, cho các bị cáo nhận được sự khoan H của pháp luật và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về tội: “Đánh bạc”. Vì vậy, không cần thiết bắt hai bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, phòng ngừa

chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Đỗ Anh T trong tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”, với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, có căn cứ xem xét cho bị cáo mức hình phạt là phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P.

[5] Đối với tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” của bị cáo Đỗ Anh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”

Giao dịch cho vay của bị cáo với 19 người vay với lãi suất gấp hơn 5 lần mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là giao dịch trái pháp luật. Nên toàn bộ số tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội và số tiền lãi trong hạn quy định của pháp luật là thu lồi bất chính cần phải truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà Nước. Số tiền lãi vượt quá quy định buộc bị cáo phải trả lại cho người vay. Cụ thể:

Truy thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo là 143.490.450đồng, trong đó số tiền gốc người vay đã trả là 132.000.000đồng và tiền lãi trong hạn mà bị cáo phải truy thu sung công quỹ Nhà nước là 11.490.450đồng;

Buộc Đỗ Anh T phải trả số tiền lãi vượt quá quy định cho 19 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền: 75.770.089đồng gồm: Trả cho anh Nguyễn Văn N số tiền 3.624.658đ; anh Đàm Văn H số tiền 7.767.113đ; anh Đỗ Thành L số tiền 404.110đ; Trần Thành L số tiền 8.058.905đ; Nguyễn Mạnh D số tiền 4.018.350đ; Đỗ Thanh B số tiền 828.493đ; Đặng Văn H số tiền 1.068.492đ; Chu Văn L số tiền 4.119.444; Trần Văn N số tiền 7.493.699đ; Vũ Đình Q số tiền 8.459.590đ; Ngô Xuân H số tiền 2.024.796đ; Đinh Quang S số tiền 1.664.521đ; Nguyễn Sĩ Đ số tiền 16.027.380đ; Lâm Văn L số tiền 3.624.653đ; Trần Hồng Việt H số tiền 1.335.615đ; Dương Xuân T số tiền 2.489.039đ; Trần Ngọc T số tiền 1.425.615đ; Nguyễn Tiến D số tiền 667.808đ và Lê Tuấn A số tiền 667.808đ.

Truy thu của 08 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) sung quỹ Nhà nước số tiền vay nặng lãi chưa trả cho bị cáo Đỗ Anh T; tổng là 77.000.000đồng gồm: Đàm Văn H phải nộp 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Nguyễn Mạnh D phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Đặng Văn H phải nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng); Trần Văn N phải nộp 15.000.000đ; Ngô Xuân H phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Dương Xuân T phải nộp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Trần Ngọc T phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và Nguyễn Tiến D phải nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

[6] Đối với số tiền những người vay chưa trả cho bị cáo T, nay bị cáo T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Tạm giữ của bị cáo Trần Thành L số tiền 7.973.000đ. Trong đó làm rõ số tiền 7.000.000đ là tiền do T trả tiền trúng lô, đề nghị tịch thu sung công nhà nước. Số tiền còn lại là 973.000đ không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại bị cáo L nH cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Truy thu xung công quỹ Nhà nước của bị cáo T số tiền đánh bạc là 2.125.000đồng;

- Tạm giữ của Đỗ Anh T tổng số tiền là 13.400.000đồng, không có liên quan đến hành vi phạm tội trả cho bị cáo; nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động OPPO F9, bên trong có lắp sim số 0966.353.439 và sim số 0916.315.836 thu giữ của bị cáo Trần Thành L và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus, có vỏ màu đỏ bên trong có lắp sim số 0914.685.667 thu giữ của bị cáo Đỗ Anh T. Quá trình điều tra, xác định L và T có sử dụng vào mục đích nhắn tin mua bán số lô đánh bạc. Do vậy, đề nghị tịch thu bán sung công Nhà nước.

Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 19H8008637 mang tên Đỗ Anh T và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88H1 - 23741, mang tên Nguyễn Ngọc Quân. Quá trình điều tra, xác định anh Nguyễn Ngọc Quân đã bán lại chiếc xe mô tô 88H1 – 23741 kèm theo giấy tờ cho Đỗ Anh T. Nay cần trả cho Đỗ Anh T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tạm giữ của bị cáo T 36 tờ Giấy vay tiền (Mua bán), (Cầm đồ), 01 tờ Giấy bán xe và 01 tờ Giấy thuê xe. Quá trình điều tra, xác định là giấy tờ giao dịch cho vay nặng lãi giữa Đỗ Anh T và những người vay tiền được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88H7 – 0777, mang tên Nguyễn Thị Khánh Linh. Quá trình điều tra, xác định giấy tờ trên là của anh Vũ Đình Q đã sử dụng để cầm cố khi vay tiền của Đỗ Anh T. Nên trả lại cho anh Vũ Đình Q là có căn cứ.

Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88H1 – 20677, mang tên Dương Thị Thanh Tâm và 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Ngọc T. Quá trình điều tra, xác định giấy tờ trên là của anh Trần Ngọc T, đã sử dụng để cầm cố khi vay tiền của Đỗ Anh T. Nên trả cho anh Trần Ngọc T là có căn cứ.

Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 29S6 - 34059, mang tên Nguyễn Ngọc Ban. Quá trình điều tra, xác định giấy tờ trên là của anh Nguyễn Mạnh D, đã sử dụng để cầm cố khi vay tiền của Đỗ Anh T. Nên trả lại cho anh Nguyễn Mạnh D là có căn cứ .

Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 29Y3 - 25382, mang tên Nguyễn Thị N. Quá trình điều tra, xác định giấy tờ trên là của anh Nguyễn Văn N đã sử dụng để cầm cố khi vay tiền của Đỗ Anh T. Nên trả lại cho anh Nguyễn Văn N là có căn cứ.

Đối với 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp, mang tên Nguyễn Sĩ Đ. Quá trình điều tra, xác định giấy tờ trên là của anh Nguyễn Sĩ Đ, đã sử dụng để cầm cố khi vay tiền của Đỗ Anh T. Nên trả lại cho anh Nguyễn Sĩ Đ là có căn cứ.

Đối với 05 Giấy chứng minh nhân dân lần lượt mang tên: Trần Thành L, Ngô Xuân H, Nguyễn Thị H, Đàm Văn H và Nguyễn Tiến D. Quá trình điều tra, xác định, 05 Giấy chứng minh nhân dân trên đã sử dụng để cầm cố khi vay tiền của Đỗ Anh T. Do vậy, cần trả lại cho anh L, anh H, chị H, anh H và anh D là có căn cứ.

Đối với 02 Căn cước công dân mang tên Đặng Văn H và Đinh Quang S. Quá trình điều tra, xác định đều đã sử dụng để cầm cố khi vay tiền của Đỗ Anh T, nên cần trả lại 02 Căn cước công dân cho anh H và anh S là có căn cứ.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Đối với tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, Hội đồng xét xử thấy bị cáo T là lao động tự do không có nghề nghiệp ổn định, không xác định được mức thu nhập ổn định hàng tháng; nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

Đối với tội: “Đánh bạc”, các bị cáo đánh bạc sát phạt nhau ăn thua bằng tiền, nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bồi các lễ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Anh T phạm tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” và tội: “Đánh bạc”;

Tuyên bố bị cáo Trần Thành L phạm tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Anh T 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng) về tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Anh T 01

(Một) năm tù về tội: “Đánh bạc”, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 02 (Hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thành L 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Anh T và Trần Thành L cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự; Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Anh T 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước;

-Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự; Phạt bổ sung bị cáo Trần Thành L 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền đánh bạc của bị cáo L là 7000.000đồng (Bảy triệu đồng).

Truy thu, sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Đỗ Anh T số tiền đánh bạc là 2.125.000đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

Trả lại cho bị cáo Trần Thành L số tiền 973.000đồng (Chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng) và 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thành L; nH tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án;

Trả lại cho bị cáo Đỗ Anh T số tiền 13.400.000đồng (Mười ba bốn trăm nghìn đồng), 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 19H8008637 mang tên Đỗ Anh T và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88H1 - 23741, mang tên Nguyễn Ngọc Q; nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu, bán sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Đỗ Anh T 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus, có vỏ màu đỏ bên trong có lắp sim số 0914.685.667 và bị cáo Trần Thành L và 01 chiếc điện thoại di động OPPO F9, có vỏ màu xanh đen bên trong có lắp sim số 0966.353.439 và sim số 0916.315.836.

Truy thu, sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Đỗ Anh T số tiền là 143.490.450đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng bốn trăm lăm mươi đồng);

Truy thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay) nộp sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền 77.000.000đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng) gồm: Đàm Văn H phải nộp 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Nguyễn Mạnh D phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Đặng Văn H phải nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng); Trần Văn N phải nộp 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Ngô Xuân H phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Dương Xuân T phải nộp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Trần Ngọc T phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và Nguyễn Tiến D phải nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Buộc bị cáo Đỗ Anh T phải trả số tiền lãi vượt quá quy định cho 19 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay) tổng số tiền: 75.770.089đ đồng gồm: Trả cho anh Nguyễn Văn N số tiền 3.624.658đ, anh Đàm Văn H số tiền 7.767.113đ; anh Đỗ Thành L số tiền 404.110đ; Trần Thành L số tiền 8.058.905đ; anh Nguyễn Mạnh D số tiền 4.018.350đ; Đỗ Thanh B số tiền 828.493đ; Đặng Văn H số tiền 1.068.492đ; Chu Văn L số tiền 4.119.444đ; Trần Văn N số tiền 7.493.699đ; Vũ Đình Q số tiền 8.459.590đ; Ngô Xuân H số tiền 2.024.796đ; Đinh Quang S số tiền 1.664.521đ; Nguyễn Sĩ Đ số tiền 16.027.380đ; Lâm Văn L số tiền 3.624.653đ; Trần Hồng Việt H số tiền 1.335.615đ; Dương Xuân T số tiền 2.489.039đ; Trần Ngọc T số tiền 1.425.615đ; Nguyễn Tiến D số tiền 667.808đ và Lê Tuấn A số tiền 667.808đ.

-Trả lại cho anh Vũ Đình Q 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88H7 – 0777, mang tên Nguyễn Thị Khánh L.

-Trả lại cho anh Trần Ngọc T 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88H1 – 20677, mang tên Dương Thị Thanh T và 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Ngọc T.

- Trả lại anh Nguyễn Mạnh D 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 29S6 - 34059, mang tên Nguyễn Ngọc B.

- Trả lại anh Nguyễn Văn N 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 29Y3 - 25382, mang tên Nguyễn Thị N.

- Trả lại anh Nguyễn Sĩ Đ 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp, mang tên Nguyễn Sĩ Đ. Quá trình điều tra, xác định giấy tờ trên là của anh anh Nguyễn Sĩ Đ;

- Trả lại Ngô Xuân H 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Xuân H;

- Trả lại Nguyễn Thị H 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị H;

- Trả lại Đàm Văn H 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đàm Văn H;
- Trả lại Nguyễn Tiến D 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tiến D;
- Trả lại anh Đặng Văn H 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đặng Văn H;
- Trả lại anh Đinh Quang S 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đinh Quang S;

(Tất cả vật chứng và số tiền nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P lập ngày 25 tháng 3 năm 2022)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đỗ Anh T và Trần Thành L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Cơ quan THA hình sự Công an thành phố P;
- Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc ;
- UBND phường X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

LƯU THỊ THÚY